

Nhân lực ngành xây dựng trong hội nhập quốc tế thực trạng và giải pháp

*KS. Trần Tiếp Đệ
Hội Đập lớn & Phát triển nguồn nước Việt Nam*

Ngành xây dựng là một bộ phận quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, trực tiếp lao động tạo ra thực thể công trình, có nhiệm vụ đi trước mở đường trong công cuộc xây dựng phát triển đất nước, hướng tới mục tiêu đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp hóa vào năm 2020.

Để hoàn thành trọng trách đó ngành càng được quan tâm phát triển về mọi mặt, đặc biệt là yếu tố nhân lực, vì vậy việc sớm đưa ra những giải pháp, các chính sách về đãi ngộ thu hút nhân lực cũng như rà soát lại chương trình đào tạo, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên để nâng cao hiệu quả đào tạo, hội nhập quốc tế là yếu tố vô cùng quan trọng.

I. Thực trạng nhân lực ngành xây dựng hiện nay

1. Nhân lực ngành xây dựng: bao gồm đội ngũ cán bộ, công chức làm nhiệm vụ quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ và công nhân lao động, tuy đã có lớn mạnh về nhiều mặt nhưng vẫn còn yếu kém, mới chỉ tiếp cận được các công nghệ phổ thông là chủ yếu.

Nhiều lao động chưa được qua đào tạo bài bản; thậm chí chưa qua đào tạo, đặc biệt là lực lượng xây dựng các công trình Thủy Lợi, là loại công trình trị thủy luôn chịu tác động trực tiếp của áp lực nước và dòng chảy, của biến đổi khí hậu (BĐKH), Khí tượng, Thủy văn, Thủy lực; sức khỏe người lao động không đồng đều; ý thức chấp hành kỷ luật công nghệ chưa cao; thiếu chu đáo cẩn thận; dễ dàng bằng lòng với kết quả đạt được dẫn đến tình trạng chất lượng công trình và hiệu quả chưa cao.

2. Về chất lượng công trình: Các công trình xây dựng hiện nay phần lớn được thi công theo công nghệ thô sơ, nặng về thao tác thủ công. Công nghệ nền móng tuy có tiến bộ lớn nhưng vẫn có nhiều bất cập khiến việc lún sụt công trình, sụt lở ta luy vẫn thường xảy ra và nhiều khi gây hậu quả nghiêm trọng. Công nghệ Thủy lợi (có đặc thù riêng biệt cho nên trong thiết kế và thi công có quy trình, quy phạm khác với các công trình dân dụng). Nhiều công trình Thủy lợi do địa phương tự đầu tư xây dựng như: các hồ, đập... ở miền núi hoặc Bộ, ngành, doanh nghiệp khác (không có chuyên ngành Thủy Lợi) thiết kế, thi công như hồ đập thủy điện ở miền Trung đã bị đổ, vỡ gây thảm họa cho hạ du về người và tài sản. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã có những văn bản đôn đốc nhắc nhở, đưa công tác xây dựng cơ bản Thủy Lợi vào nề nếp. Công nghệ môi trường vẫn đang ở trình độ yếu kém. Công tác duy tu bảo dưỡng và sửa chữa nâng cấp công trình hạ tầng thủy lợi chất lượng thấp, chưa được chú ý đúng mức.

3. *Khó khăn của các doanh nghiệp xây dựng*: Mặc dù nguồn nhân lực khá dồi dào, giá nhân công rẻ, nhiều nguyên liệu sẵn có trong nước nhưng chất lượng xây dựng vẫn còn thấp. Công ăn việc làm của từng doanh nghiệp chủ yếu do đấu thầu, nhiều doanh nghiệp bỏ giá thấp (để trúng thầu) khi thực hiện giá đội lên rất khó có khả năng thực hiện. Nhiều doanh nghiệp không có nhân lực được đào tạo chuyên ngành xây dựng Thủy Lợi, nhưng vẫn đảm nhận thi công các công trình Thủy Lợi là điều rất cấm kỵ. Tình trạng nợ đọng kéo dài làm giảm năng lực cạnh tranh và khó khăn trong tích lũy đầu tư của doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp trong ngành xây dựng Thủy Lợi hiện có quy mô không lớn, cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn, công nghệ sản xuất lạc hậu, thiếu cán bộ khoa học có trình độ cao và công nhân có tay nghề. Biên chế của một số doanh nghiệp chỉ giữ ở mức tối thiểu làm nòng cốt còn phần lớn lao động thì tùy theo nhu cầu từng lúc mà tìm kiếm trên thị trường lao động, chủ yếu lại là các lao động phổ thông mới chuyển từ nông nghiệp sang và lao động nông nhân.

- Công tác đền bù giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn, làm chậm tiến độ. Giá cả thị trường trong nước và quốc tế trượt giá lớn làm tăng giá gói thầu, phải điều chỉnh dự án làm tiến độ xây dựng bị kéo dài, gây khó khăn cho doanh nghiệp xây dựng.

- Các nhà thầu chính khi trúng thầu thường nắm giữ những khối lượng then chốt đòi hỏi kỹ thuật cao và có giá trị lớn, rồi tìm thầu phụ để giao khoán phần việc thi công đơn giản, giá trị thấp, nhà thầu phụ lại chỉ dùng lao động rẻ, chưa qua đào tạo, làm việc theo thời vụ.

Chế độ tiền lương còn nhiều bất hợp lý, chưa có sức thu hút mạnh và gắn bó đối với người lao động, tình trạng chạy đi hợp tác lao động ở nước ngoài để tăng thu nhập “đổi đời” là phổ biến, cũng là những thách thức rất lớn.

4- *Công tác đào tạo nghề tuy có tăng, nhưng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước và còn nhiều bất cập*:

Không cân đối giữa các trình độ đào tạo, phần lớn học sinh đều muốn theo học ở cấp đại học, cao đẳng mà không học ở các cấp thấp hơn dẫn đến việc: đào tạo cao đẳng, đại học tăng quá nhanh trong khi dạy nghề (khối chính quy) và trung học tăng chậm làm cho cơ cấu nguồn nhân lực theo trình độ càng thêm bất hợp lý, dẫn đến tình trạng “thừa thầy, thiếu thợ” ở các công trình hạ tầng lớn, có kỹ thuật phức tạp là phổ biến.

- Việc đào tạo nhân lực về các cấp trình độ, ngành nghề và vùng miền nhiều nơi chưa hợp lý, không đáp ứng yêu cầu của người sử dụng, nên có tình trạng nhiều học sinh đã qua đào tạo nhưng vẫn không kiếm được việc làm, hoặc làm việc không đúng với trình độ tay nghề đã được đào tạo trong khi phải sử dụng khá nhiều dạng nhân lực không qua đào tạo.

- Phương pháp dạy học còn cũ kỹ, lạc hậu, nặng về truyền đạt kiến thức lý thuyết mà ít chú ý đến việc rèn luyện cho học sinh phương pháp học tập, cách suy nghĩ và thực hành ứng xử trong cuộc sống, trong lao động. Việc học vẫn là thụ động chưa có đủ cơ sở vật chất, hệ thống sách tham khảo, sách giáo khoa đáp ứng, cũng như hệ thống phòng thí nghiệm tương ứng nên tình trạng học chay là phổ biến.

- Chương trình đào tạo còn lạc hậu, chậm được cập nhật đổi mới đặc biệt là ngành nông nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu mới về tái cơ cấu ngành nông nghiệp trước thách thức

của BDKH và các tiêu chí của ngành đề ra, còn tách rời thực tế, không đáp ứng nhu cầu thị trường sức lao động và có xu hướng chất lượng đào tạo tỉ lệ nghịch với tăng qui mô đào tạo... Chưa nâng cao nhận thức về môi trường cho học sinh (là những thứ bao quanh nơi hoạt động của một tổ chức, bao gồm không khí, nước, đất, nguồn tài nguyên thiên nhiên, hệ động thực vật, con người và mối quan hệ qua lại của chúng). Chưa làm cho học sinh hiểu được tác hại của ô nhiễm môi trường sinh thái là: hạn hán, lũ lụt, băng tan, sản xuất lương thực khó khăn, đói nghèo sức khỏe giảm sút... trái đất không phải là tài sản chúng ta thừa hưởng từ cha ông, mà chúng ta vay mượn của thế hệ mai sau.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật và kinh phí đào tạo tuy có được đầu tư và tăng đáng kể, nhưng nhìn chung vẫn còn lạc hậu, chậm được cải thiện, chưa tương xứng với tăng quy mô học sinh, sinh viên, đặc biệt là ký túc xá, phòng thí nghiệm, công cụ học tập, sân bãi thực hành và các điều kiện khác cho học sinh, sinh viên học tập.

- Đội ngũ giáo viên ở các trường còn rất thiếu, nhiều trường không có chỉ tiêu tuyển dụng biên chế để bổ sung lực lượng thầy giáo. Lớp thầy có tuổi cao, thậm chí có thầy đã nghỉ hưu vẫn phải đảm nhiệm những nhiệm vụ chủ trì trong công tác đào tạo đáng lẽ việc ấy phải chuyển giao cho lớp kế cận.

- Tình trạng trên đây đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng và tiến độ xây dựng công trình cũng như an toàn lao động trên công trường. Sự yếu kém về khả năng tài chính cộng với những yếu kém của đội ngũ tư vấn về giám sát, quản lý dự án, công nhân lao động đang là mối lo ngại mất an toàn của nhiều công trình đặc biệt là các công trình Thủy Lợi: đê, kè, cống, hồ chứa nước lớn trong mùa lụt, bão.

II. Các giải pháp phát triển nhân lực ngành nông nghiệp trong giai đoạn tới

Việc đầu tư phát triển nhân lực trong giai đoạn tới phải thông qua giáo dục đào tạo nghiên cứu khoa học công nghệ và tổ chức sản xuất, phải đảm bảo cả về số lượng và chất lượng, phải đặt sự nghiệp giáo dục và đào tạo trong môi trường sư phạm lành mạnh, nhanh chóng tiếp cận trình độ khu vực và quốc tế.

1- Mục tiêu phát triển nhân lực ngành nông nghiệp là tạo sự chuyển biến về chất lượng nhân lực, hình thành đội ngũ nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Mục tiêu là “Nâng cao hiệu quả ngành Thủy Lợi phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực phòng chống thiên tai và ứng phó với BĐKH; góp phần hiện đại hóa cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới”.

Trên cơ sở mục tiêu đó, các tiêu chí phát triển Thủy Lợi được đặt ra như sau:

- Xây dựng các công trình Thủy Lợi gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao hiệu quả đầu tư, xây dựng và quản lý khai thác các công trình đã có, đảm bảo

tưới cho 7,5 triệu ha đất trồng lúa; 1,65 triệu ha rau màu, cây công nghiệp, cấp khoảng 6 tỷ m³ nước phục vụ sinh hoạt và công nghiệp; tiêu úng 1,72 triệu ha.

- Có giải pháp nhằm quản lý rủi ro thiên tai: hạn hán, lụt bão, BĐKH, nước biển dâng...đảm bảo an toàn đê, kè, cống, hồ, đập trong mọi tình huống của thời tiết.
- Áp dụng công nghệ tưới tiên tiến và tiết kiệm nước cho các cây trồng cận chủ lực ở miền Núi, miền Trung, Tây Nguyên...
- Cung cấp nước phục vụ chuyển đổi cơ cấu ngành nông nghiệp vùng khô hạn miền Trung, Tây Nguyên...
- Có giải pháp kiểm soát nước sông Hồng vào mùa kiệt, đảm bảo chủ động cấp nước cấp nước cho nông nghiệp dân sinh dưới tác động của BĐKH và khai thác ở thượng nguồn.
- Đánh giá xu thế hạ thấp lòng dẫn sông Cửu Long dưới tác động của các hồ chứa thượng nguồn.
- Dự báo, cảnh báo sạt lở đất, lũ ống, lũ quét ở miền núi phía Bắc.
- Có giải pháp chống ngập úng cho các đô thị và vùng phụ cận.
- Có công nghệ khai thác và cấp nước sinh hoạt cho nhân dân vùng khan hiếm nước, vùng hạn hán, xâm nhập mặn...
- Có giải pháp Thủy Lợi phục vụ thâm canh nuôi trồng thủy sản, chống bồi, xói cho các khu neo đậu tàu thuyền, phòng tránh trú bão và các khu cảng cá.
- Có giải pháp công trình và phi công trình bảo vệ bờ sông, bờ biển...mềm dẻo, thân thiện với môi trường.

2- *Quy hoạch lại mạng lưới các trường đào tạo*, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất phục vụ đào tạo nghề, nhất là đào tạo nghề ngắn hạn. Xây dựng một số cơ sở đào tạo đạt chuẩn chất lượng và chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu ngày càng tăng của ngành xây dựng Thủy Lợi trong hội nhập quốc tế.

- Mở rộng quy mô, đa dạng hóa loại hình và cơ cấu đào tạo nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu nhân lực của ngành. Các nghề cơ bản thông dụng sẽ mở tại địa phương với nhiều loại hình và thời gian phù hợp.

3- *Nâng cao chất lượng đào tạo các bậc đại học*, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đồng thời tập trung mở rộng quy mô đào tạo nghề đi đôi với đào tạo lao động kỹ thuật chất lượng cao, nghề chuyên biệt, đặc thù, đặc biệt là thủy lợi có kỹ thuật phức tạp, thi công trong điều kiện: Chặn dòng, vượt lũ, môi trường sông nước ... cần phải được đào tạo chuyên sâu và chất lượng. Thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục theo quy trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn ISO-9000.

- Phải chú ý rèn luyện tác phong công nghiệp, bồi dưỡng đủ kiến thức, huấn luyện đủ kỹ năng, chấn chỉnh thái độ học tập và lương tâm nghề nghiệp.

4- *Bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công chức thực hiện đào tạo và đào tạo lại cán bộ theo yêu cầu mới về tái cơ cấu ngành nông nghiệp và thách thức của BĐKH*, nâng cao năng lực quản lý xây dựng của các đội ngũ tư vấn giám sát, quản lý dự án...của các công trình hạ tầng lớn thủy lợi sử dụng vốn ngân sách nhà nước. Xây dựng đội ngũ giáo viên, đội ngũ cán bộ

khoa học đầu đàn trong các lĩnh vực then chốt, chủ yếu. Thông thạo ngoại ngữ (tiếng Anh) để hòa nhập cộng đồng Quốc tế.

5- *Xây dựng các cơ chế chính sách*, chế độ tiền lương và phụ cấp phù hợp với đặc thù, ngành nghề, khuyến khích đội ngũ nhân lực, yên tâm sản xuất gắn bó với ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn. Xây dựng chương trình phát triển nhân lực của ngành và từng đơn vị, cụ thể hóa các mục tiêu phát triển nhân lực ngành xây dựng đến năm 2020.

6- *Về hợp tác lao động*: Việc đưa người lao động Việt Nam ra nước ngoài làm việc tuy có tăng dần hàng năm là cần thiết. Trong giai đoạn (2010-2015) tổng số lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài đạt 450 nghìn người (trong đó thị trường Đài Loan: 160 nghìn, Hàn Quốc: 55 nghìn, Nhật Bản: 40 nghìn, Ả-rập Xê út: 18 nghìn...). Song hiệu quả và chất lượng chưa cao. Các cơ quan chức năng phải khuyến cáo người lao động có nhu cầu ra nước ngoài làm việc cần được trang bị đầy đủ, các điều kiện cần thiết như: ngoại ngữ, tay nghề phù hợp với yêu cầu của nước tiếp nhận, thực hiện đúng thời gian làm việc như hợp đồng đã ký kết... Cảnh giác với những chiêu bài quảng cáo “cò mồi” của một số tổ chức, cá nhân không có giấy phép đưa lao động ra nước ngoài làm việc. Cần liên hệ với các cơ quan có trách nhiệm như Sở Lao động- Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố, hoặc Cục Quản lý lao động nước ngoài (Bộ LĐ-TB-XH) để có thông tin chính thống về chỉ tiêu, điều kiện để người lao động Việt Nam yên tâm ra nước ngoài làm việc.

Với truyền thống hiếu học và thông minh, con người Việt Nam có tiềm năng trí tuệ không thua kém các nước. Song do lịch sử để lại, sự yếu kém về trình độ công nghệ của Việt Nam so với các nước phát triển còn chênh lệch rất lớn. Chỉ có thể rút ngắn khoảng cách tụt hậu bằng cách tăng cường đầu tư cho phát triển nhân lực, nâng cao hiệu quả đầu tư xây dựng, cải thiện chất lượng cuộc sống cho người lao động và nhanh chóng tiếp cận nền kinh tế tri thức./.